|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT THÀNH PHỐ   |  | | --- | | **ĐỀ CHÍNH THỨC** |   **TRƯỜNG** | **ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II**  **NĂM HỌC 2023- 2024**  **Môn: Ngữ văn –Lớp 7 ( Tiết 138 + 139 )**  Thời gian: 90 phút *( không kể thời gian giao đề)* |

**I. MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản nghị luận | 3 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | 60 |
| Tuỳ bút và tản văn |
| Văn bản thông tin |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| Viết văn bản biểu cảm về con người hoặc sự việc. |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**II. BẢNG ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản nghị luận | **Nhận biết**:  - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.  - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống và nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản.  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng.  - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; các biện pháp tu từ như: nói quá, nói giảm nói tránh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.  - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với vấn đề đặt ra trong văn bản. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| Tuỳ bút, tản văn | **Nhận biết**  - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cảnh vật, con người, sự kiện được tái hiện trong tuỳ bút, tản văn.  - Nhận biết được cái tôi, sự kết hợp giữa chất tự sự, trữ tình, nghị luận, đặc trưng ngôn ngữ của tuỳ bút, tản văn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu:**  - Phân tích được nét riêng về cảnh vật, con người được tái hiện trong tùy bút, tản văn.  - Hiểu và lí giải được những trạng thái tình cảm, cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tuỳ bút, tản văn.  - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm, thông điệp của tác giả trong tùy bút, tản văn. |
| Văn bản thông tin | **Nhận biết**:  - Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thông tin.  - Nhận biết được đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **\* Thông hiểu**:  - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của văn bản.  - Chỉ ra được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản thông tin.  - Chỉ ra được tác dụng của cước chú, tài liệu tham khảo trong văn bản thông tin.  - Chỉ ra được cách triển khai các ý tưởng và thông tin trong văn bản (chẳng hạn theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng, hoặc các đối tượng được phân loại).  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Đánh giá được tác dụng biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một văn bản in hoặc văn bản điện tử.  - Rút ra được những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng |  |  |  | 1TL\* |
| Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn biểu cảm (về con người hoặc sự việc): thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với con người / sự việc; nêu được vai trò của con người / sự việc đối với bản thân. |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

|  |  |
| --- | --- |
| Họ và tên:..............................................  Lớp 7 ....................................................  **Điểm** | *Ngày kiểm tra:……../……../ 2024*  **ĐỀ KTĐG CUỐI HỌC KÌ II**  **NĂM HỌC 2023- 2024**  **Môn: Ngữ văn –Lớp 7 ( Tiết 138 + 139 )**  Thời gian: 90 phút*( không kể thời gian giao đề)* |

**ĐỀ SỐ 1**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc đoạn văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

Hi vọng là một thứ rất tuyệt diệu. Hi vọng cong, xoắn, thỉnh thoảng nó khuất đi, nhưng hiếm khi nó tan vỡ… Hi vọng duy trì cuộc sống của chúng ta mà không có gì có thể thay thế được… Hi vọng cho chúng ta có thể thể tiếp tục, cho chúng ta can đảm để tiến lên phía trước, khi chúng ta tự nhủ là mình sắp bỏ cuộc…

          Hi vọng đặt nụ cười lên gương mặt chúng ta khi mà trái tim không chủ động được điều đó…

          Hi vọng đặt đôi chân chúng ta lên con đường mà mắt chúng ta không nhìn thấy được …

          Hi vọng thúc giục chúng ta hành động khi tinh thần chúng ta không nhận biết được phương hướng nữa… Hi vọng là điều kỳ diệu, một điều cần được nuôi dưỡng và ấp ủ và đổi lại nó sẽ làm cho chúng ta luôn sống động… Và hi vọng có thể tìm thấy trong mỗi chúng ta, và nó có thể mang ánh sáng vào những nơi tăm tối nhất…

          Đừng bao giờ mất hi vọng!

(Trích: “Luôn mỉm cười với cuộc sống”, NXB Trẻ, 2011, tr.5)

**1. Điền vào bảng trong phần bài làm chữ cái đầu của phương án trả lời đúng nhất**

**Câu 1 (0,5 điểm):** **Đoạn trích trên được viết theo kiểu văn bản nào ?**

1. Thuyết minh C. Nghị luận
2. Tự sự D. Biểu cảm

**Câu 2 (0,5 điểm):** **Đoạn trích bàn về vấn đề gì?**

1. Bàn về giá trị của niềm tin C. Bàn về giá trị niềm hi vọng
2. Bàn về giá trị của sự sống D. Bàn về giá trị của tri thức.

**Câu 3 (0,5 điểm):** **Theo tác giả, hi vọng có mấy giá trị ?**

1. 2 giá trị C. 4 giá trị
2. 3 giá trị D. 5 giá trị

**Câu 4 (0,5 điểm):** **Tác giả đã dùng những từ ngữ nào để miêu tả hi vọng ?**

A. Cong, xoắn, khuất đi, tan vỡ C. Cong, xoắn, khuất đi, có thể tan vỡ

B. Cong, xoắn, khuất đi, hiếm khi tan vỡ D. Cong, xoắn, khuất đi, không tan vỡ

**Câu 5 (0,5 điểm):** **Nội dung chính của đoạn văn** *“Hi vọng là một thứ rất tuyệt diệu. Hi vọng cong, xoắn, thỉnh thoảng nó khuất đi, nhưng hiếm khi nó tan vỡ… Hi vọng duy trì cuộc sống của chúng ta mà không có gì có thể thay thế được… Hi vọng cho chúng ta có thể thể tiếp tục, cho chúng ta can đảm để tiến lên phía trước, khi chúng ta tự nhủ là mình sắp bỏ cuộc…”* **là:**

A. Khả năng tuyệt diệu của hi vọng

B. Khả năng khó tan vỡ của hi vọng

C. Khả năng không gì có thể thay thế của hi vọng

D. Khả năng giúp con người tiến lên phía trước của hi vọng

**Câu 6 (0,5 điểm):** **Trong đoạn trích, dấu chấm lửng có tác dụng gì ?**

A. Tỏ ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết

B. Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng

C. Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của nhiều từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm

D. Biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt

**Câu 7 (0,5 điểm):** **Câu văn *“ Hi vọng là một thứ rất tuyệt diệu”* có bao nhiêu số từ ?**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Một | 1. Hai |
| 1. Ba | 1. Bốn |

**Câu 8 (0,5 điểm):** **Việc lặp lại từ *“ hi vọng”* ở mỗi câu văn, đoạn văn có tác dụng gì ?**

1. Liên kết các câu trong đoạn văn.
2. Liên kết các đoạn trong văn bản.
3. Liên kết các câu, các đoạn trong văn bản.
4. Liên kết các phần của văn bản

**2. Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu sau:**

**Câu 9 (1,0 điểm):** Em có cho rằng: Hi vọng duy trì cuộc sống của chúng ta mà không có gì có thể thay thế được không ? Vì sao?

**Câu 10 (1,0 điểm):** Thông điệp mà em tâm đắc nhất trong đoạn văn bản là gì ?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Có ý kiến cho rằng: “ Bảo vệ môi trường cần sự chung tay của tất cả mọi người”. Hãy viết bài văn trình bày suy nghĩ của em về vấn đề trên.

**BÀI LÀM**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Đáp án |  |  |  |  |  |  |  |  |

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |

**IV. HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | D | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | C | 0,5 |
|  | **9** | Học sinh đưa ra ý kiến của mình và lí giải hợp lí. Có thể:  - Đồng ý với ý kiến vì:  + Cuộc sống nhiều khó khăn và thử thách, nhờ hi vọng  mà ta có được năng lượng để duy trì cuộc sống tốt đẹp hơn.  + Hi vọng sẽ tạo ra niềm tin, ý chí, động lực, lòng can đảm giúp con người sống lạc quan, yêu đời, chiến thắng nghịch cảnh…  - Không đồng ý với ý kiến vì:  + Để duy trì sự sống của mình, con người cần thức ăn, nước uống, không khí, ánh sáng và nhiệt độ phù hợp…  + Con người cũng cần các điều kiện vật chất khác như nhà ở, quần áo, đồ dùng... và các điều kiện tinh thần như tình cảm, vui chơi, giải trí... | 1,0 |
|  | **10** | Học sinh rút ra thông điệp tâm đắc nhất đối với bản thân. VD:  + Đừng bao giờ mất hi vọng! Vì mất hi vọng chúng ta sẽ mất năng lượng, mục tiêu, phương hướng và động lực sống.  + Hãy nuôi hi vọng mỗi ngày, tạo động lực và hành động mỗi ngày để sống lạc quan yêu đời hơn. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | a*. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận:* Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khẳng định vấn đề. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề:* suy nghĩ của em về vấn đề bảo vệ môi trường. |
|  | **\* Mở bài:** Dẫn dắt và nêu vấn đề nghị luận  **\* Thân bài:**  - Mô tả thực trạng môi trường hiện nay; thể hiện thái độ phê phán hiện tượng này.  - Lí giải nguyên nhân và hậu quả của hiện tượng không bảo vệ môi trường.  - Nêu giải pháp để ngăn chặn hiện tượng này.  **\* Kết bài:** Khẳng định vấn đề (*Bảo vệ môi trường là trách nhiệm và nghĩa vụ không của riêng ai, hãy chung tay hành động vì một thế giới sống xanh - sạch- đẹp*) | 3,5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp:* Chữ viết cẩn thận, rõ ràng, bài văn trình bày sạch sẽ, không mắc lỗi chính tả, lỗi diễn đạt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Nhận thức sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt sáng tạo. |